

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 11 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Thu Thảo;

Bà Trần Thị Kim Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 403/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị V, sinh năm 1973; Có mặt

Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

- Bị đơn: Ông Phan Tiến Đ, sinh năm 1974; vắng mặt

Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị V trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Đ chung sống với nhau năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, việc chung sống của hai người là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán.

Thời gian đầu ông bà sống hạnh phúc, đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống khác nhau, không hợp nhau, bất đồng quan điểm, ông Đ thường xuyên uống rượu về quậy phá, dẫn đến mâu thuẫn hai vợ chồng tăng lên và ngày càng rạn nứt, bà đã

cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được, ông bà đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay nhưng vẫn ở chung nhà. Nay, bà xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn này xin được ly hôn với ông Phan Tiến Đ.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Phan Tiến L, sinh ngày 30/01/2004 và Phan Thị Thuỳ L1, sinh ngày 28/7/2010. Nếu ly hôn bà có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con tên L mỗi tháng 1.000.000đ và con tên L1 mỗi tháng 1.000.000 đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Ông bà có 01 căn nhà gắn liền với đất hiện đang ở và hơn 01ha đất trồng cao su. Ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông bà nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phú Giáo số tiền 42.000.000đ. Ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Phan Tiến Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà V chung sống với nhau năm 2003 có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, được hai bên gia đình đồng ý và có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán.

Thời gian đầu ông bà sống hạnh phúc, đến năm 2017 ông bà phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống khác nhau, không hợp nhau dẫn đến gây gổ cãi nhau, hai bên gia đình cũng như địa phương chưa hoà giải. Nay ông mong muốn Toà án hoà giải cho vợ chồng về đoàn tụ và ông không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Phan Tiến L, sinh ngày 30/01/2004 và Phan Thị Thuỳ L1, sinh ngày 28/7/2010. Do không muốn ly hôn nên không có yêu cầu về nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông bà có 1,3 mẫu đất cao su nguồn gốc do cha mẹ ông cho, 01 diện tích đất ở do cha mẹ vợ cho. Tài sản chung này không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông bà có nợ Ngân hàng chính sách huyện Phú Giáo nhưng không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị V đối với ông Phan Tiến Đ; về con chung: Giao con chung tên Phan Tiến L, sinh ngày 30/01/2004 và Phan Thị Thuỳ L1, sinh ngày 28/7/2010 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng; ông Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tên L mỗi tháng 1.000.000đ và con tên L1 mỗi tháng 1.000.000 đến khi con đủ 18 tuổi; về tài sản chung, về nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án xin ly hôn mà bị đơn cư trú tại Ấp B, xã V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn ông Phan Tiến Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

[3] Về hôn nhân: Bà Phạm Thị V và ông Phan Tiến Đ là những người có đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương ngày 14/10/2003 nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên đơn cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, đôi khi còn đánh nhau, không tôn trọng lẫn nhau nên đã ly thân từ năm 2017 đến nay, nguyên đơn đã cho bị đơn cơ hội sửa chữa nhiều lần nhưng bị đơn vẫn không sửa đổi tính tình (nguyên đơn đã từng nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn về cho ông Đ thêm cơ hội sửa đổi). Bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, không mong muốn đoàn tụ gia đình vì Tòa án đã nhiều lần triệu tập lên hoà giải nhưng bị đơn không đến nên HĐXX không có cơ sở để xem xét ý kiến của bị đơn.

[4] Tại Biên bản xác minh ngày 26/9/2019, đại diện chính quyền địa phương xã V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương cho biết mâu thuẫn gia đình giữa bà V và ông Đ do ông Đ thường xuyên uống rượu, không chăm lo cuộc sống gia đình, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã.

[5] HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn bà Phạm Thị V với bị đơn ông Phan Tiến Đ đã trầm trọng. Tòa án nhiều lần mở phiên hòa giải nhằm hòa giải đoàn tụ cho ông bà nhưng hai bên không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, bị đơn không đến Tòa án để hoà giải. Hiện tại, nguyên đơn và bị đơn không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. HĐXX xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa nguyên đơn, bị đơn không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ nên HĐXX chấp nhận cho nguyên đơn và bị đơn ly hôn theo quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của đương sự, bản sao giấy khai sinh, xác định nguyên đơn bà Phạm Thị V với bị đơn ông Phan Tiến Đ có 02 con chung tên Phan Tiến L, sinh ngày 30/01/2004 và Phan Thị Thuỳ L1, sinh ngày 28/7/2010. Nguyên đơn có nguyện vọng nuôi hai con chung, bị đơn không có ý kiến về việc nuôi con. HĐXX xét theo nguyện vọng của nguyên đơn, nguyện vọng của các con đã trên 07 tuổi là muốn chung sống với mẹ và các điều kiện về nuôi con, sự ổn định tâm lý của trẻ, điều kiện đảm bảo cho trẻ nhỏ được phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và trí tuệ nên quyết định giao con Phan Tiến L, sinh ngày 30/01/2004 và Phan Thị Thuỳ L1, sinh ngày

28/7/2010 cho nguyên đơn nuôi dưỡng là phù hợp, không gây ảnh hưởng đến tâm sinh lý của trẻ.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi con 1.000.000đ/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi. Tại Biên bản xác minh ngày 26/9/2019, đại diện chính quyền địa phương xã V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương cho biết thu nhập bình quân 61.000.000đ/năm (khoảng hơn 05 triệu đồng/tháng), ông Đ làm nghề thợ xây thu nhập hơn 6.000.000đ/tháng. Căn cứ vào nhu cầu cần thiết cho việc nuôi con HĐXX xét thấy mức cấp dưỡng mà nguyên đơn yêu cầu là phù hợp nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị V đối với bị đơn ông Phan Tiến Đ về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về hôn nhân: Bà Phạm Thị V được ly hôn với bị đơn ông Phan Tiến Đ

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Phan Tiến L, sinh ngày 30/01/2004 và Phan Thị Thuỳ L1, sinh ngày 28/7/2010 cho bà Phạm Thị V trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc ông Phan Tiến Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Phan Tiến L mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) và con Phan Thị Thuỳ L1 mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung của ông Phan Tiến Đ. Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị V phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án AA/2016/0026548 ngày 30/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Ông Phan Tiến Đ phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- UBND xã V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (số 115 ngày 14/10/2003);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiên